TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 488/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Minh Đức**

2. Ông **Võ Văn Thống**

Thư ký phiên tòa: Bà **Cà Thị Lan** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 336/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 471/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 346/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Duy K,** sinh năm xxxx (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh H.

2. Bị đơn: **Phạm Thị Ngọc T,** sinh năm xxxx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh H.

Địa chỉ thường trú: Số xxxx khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Duy K trình bày:

Anh K và chị T chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh H. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã về tiền bạc, có những lời nói xúc phạm nhau, anh chị không thể tiếp tục sống chung nên đã đã không còn chung

sống từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian không sống chung anh chị không liên lạc hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Giữa anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 03/12/2020, hiện đang sống chung với chị T. Ly hôn, anh K giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị Ngọc T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh K mặc dù Tòa đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến: - Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Duy K, cho anh K được ly hôn với chị T. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh K và chị T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Duy K yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm xxxx, tạm trú tại số xxxx khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh T nên đây là quan hệ "*Tranh chấp ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến của chị T đối với yêu cầu khởi kiện của anh K nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Thị Ngọc T.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy K và chị Phạm Thị Ngọc T có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh K, căn cứ vào lời khai của anh, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan

điểm sống, thường xuyên cải vã về tiền bạc, có những lời nói xúc phạm nhau, anh chị đã không còn chung sống từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian không sống chung anh chị không liên lạc hàn gắn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho chị T biết yêu cầu ly hôn của anh K, có thân nhân của chị T nhận thay nên đương nhiên chị T biết yêu cầu ly hôn của anh K nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không quan tâm đến kết quả giải quyết vụ án ly hôn của chị với anh K như thế nào.Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K với chị T là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 03/12/2020, hiện đang sống chung với chị T. Ly hôn, anh K giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận. Nhằm tranh sự xáo trộn trong cuộc sống của con nên cần giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Anh Nguyễn Duy K có yêu cầu ly hôn nên anh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy K và chị Phạm Thị Ngọc T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 03/12/2020 cho chị Phạm Thị Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh K chị T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Duy K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Duy K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0029035 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Nguyễn Duy K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.